

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		NSNN	THU NSX	NSNN	THU NSX	NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	18.002.325.311	18.002.325.311	12.569.484.675	12.569.484.675	69,82	69,82
I	Các khoản thu 100%	28.000.000	28.000.000	178.179.971	178.179.971	636,36	636,36
1	Phí, lệ phí	18.000.000	18.000.000	20.584.000	20.584.000	114,36	114,36
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	10.000.000	10.000.000	1.553.200	1.553.200	15,53	15,53
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			5.075.000	5.075.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			132.176.000	132.176.000		
8	Thu khác			18.791.771	18.791.771		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	6.414.900.000	6.414.900.000	831.879.393	831.879.393	12,97	12,97
1	Các khoản thu phân chia	192.500.000	192.500.000	145.058.326	145.058.326	75,35	75,35
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15.000.000	15.000.000	66.606.982	66.606.982	444,05	444,05
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	7.500.000	7.500.000	6.500.000	6.500.000	86,67	86,67
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	170.000.000	170.000.000	71.951.344	71.951.344	42,32	42,32
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	6.222.400.000	6.222.400.000	686.821.067	686.821.067	11,04	11,04
2.1	Thu tiền sử dụng đất	6.000.000.000	6.000.000.000	412.945.000	412.945.000	6,88	6,88
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	150.400.000	150.400.000	185.849.234	185.849.234	123,57	123,57
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	72.000.000	72.000.000	88.026.833	88.026.833	122,26	122,26
2.7	Thuế tiêu thu đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu						
IV	Thu chuyển nguồn	846.975.311	846.975.311	846.975.311	846.975.311	100,00	100,00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10.712.450.000	10.712.450.000	10.712.450.000	10.712.450.000	100,00	100,00
1	Thu bổ sung cân đối	2.484.400.000	2.484.400.000	2.484.400.000	2.484.400.000	100,00	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	8.228.050.000	8.228.050.000	8.228.050.000	8.228.050.000	100,00	100,00

